TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-11-2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tán Nghị

Ông Nguyễn Đình Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Mai Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/9/2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; có mặt

Địa chỉ: Thôn Dương L, xã Hòa P, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng

Bị đơn: Ông Hồ Phú R, sinh năm 1985; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Phò N, xã Hòa B, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hồ Phú R kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa B, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 14/2009, quyển số 01/2009 ngày 01/6/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn Phò N, xã Hòa B, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người không còn

hòa hợp, không có được T nói chung, hai người thường xuyên xảy ra cải vã, ông R có tính báo lực gia định. Hiện hai người đã sống ly thân từ tháng 8/2019, nay nà T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ồng Hồ Phú R.

Về quan hệ con chung: Giữa bà T và ông R có hai con chung là cháu Hồ Phú Anh K, sinh ngày 06/10/2009 và Hồ Nguyễn H, sinh ngày 10/4/2016. Ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con Hồ Nguyễn H, giao con Hồ Phú Anh K cho ông R nuôi dưỡng. Không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác nhận giữa bà và ông R không có.

Bị đơn ông Hồ Phú R đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật, tuy nhiên ông R vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án và tại bản tự khai ông R trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác đinh thời gian vợ chồng chúng sống, đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, nơi chung sống. Quá trình chung sống ông R xác định có mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do ông gen tuông, nghi ngờ vợ, ông cảm thấy hối lỗi với những hành động và suy nghỉ của mình. Ông R xin bà T tha thứ để vợ chồng cùng xây dựng hạnh phú gia đình, nuôi dạy con cái. Ông xin tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về quan hệ con chung: Ông R xác nhận giữa ông với bà T có 02 con chung là cháu Hồ Phú Anh K, sinh ngày 06/10/2009 và Hồ Nguyễn H, sinh ngày 10/4/2016. Nếu bà T cương quyết xin ly hôn, ông xin được nuôi con Hồ Phú Anh K, giao con Hồ Nguyễn H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Ông R xác nhận giữa ông với bà T không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc thuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo, trừ bị đơn ông Hồ Phú R đã không thực hiện nghĩa vụ của đương sự là đến Tòa theo tRệu tập do vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt ông R.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ quy định tại Điều 56; khoản 1 Điều 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông ông Hồ Phú R.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Hồ Phú R.

Về quan hệ con chung: Giao con Hồ Phú Anh K, sinh ngày 06/10/2009 cho ông R trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; giao con Hồ Nguyễn H, sinh ngày 10/4/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà T và ông R xác định vợ chồng không có nên không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng thụ lý giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đối với bị đơn ông Hồ Phú R; trú tại: Thôn Phò N, xã Hòa B, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà T là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa bị đơn ông Hồ Phú R đã được Tòa án tRệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt ông R.

Về nội dung:

[1] Bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Phú R xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa B, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng vào ngày 01/6/2009 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau kết hôn, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không còn hòa hợp, không có được T nói chung, ông R nghi ngờ ghen tuông, xúc phạm đánh đập bà T, bà T bỏ về nhà ba mẹ ruột thôn Dương Lâm sống từ tháng 8/2019, hiện hai người đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, ông R thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng, tại bản tự khai, ông R muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng có điều kiện nói chuyện hàn gắn tình cảm, tuy nhiên Tòa án đã nhiều lần tRệu tập hòa giải ông R vẫn vắng mặt, điều đó thể hiện ông R không có thiện chí để vợ chồng về chung sống với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống giữa bà T và ông R không được hạnh phúc, thực tế hiện nay hai người không chung sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng không

có, giữa vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xin ly hôn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà T và ông R xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Hồ Phú Anh K, sinh ngày 06/10/2009 và Hồ Nguyễn H, sinh ngày 10/4/2016. Ly hôn, bà T và ông R thống nhất ý kiến, bà T nuôi cháu Hồ Nguyễn H, ông R xin nuôi cháu Hồ Phú Anh K.

Hội đồng xét xử xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của hai vợ chồng phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như ý kiến của cháu Hồ Phú Anh K đã đủ 7 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà T và ông R không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào, nên HĐXX không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Bà T và ông R không yêu cầu tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà T và ông R xác định không có nên không xem xét.

[5] Về án phí HNGĐ sơ thẩm, bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng đề nghị phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Hồ Phú R về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Hồ Phú R.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con Hồ Phú Anh K, sinh ngày 06/10/2009 cho ông R trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Giao con Hồ Nguyễn H, sinh ngày 10/4/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp tại biên lai thu số 0002502 ngày 09/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà T đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 28/11/2019.

Rêng ông Hồ Phú R vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh